TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23-03-2023
V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Thành và bà Bùi Thị Vân.

- **Thư ký phiên toà**: Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà**: Bà Đặng Thị Phương Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23/03/2023, tại trụ sở TAND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 368/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/11/2022, về việc: Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/02/2023, Quyết định hoãn phiên toà số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Th sinh năm 1990, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn V, xã A, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Trần Hồng Đ sinh năm 1988, vắng mặt.

Địa chỉ: Xã T, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

3. Người đại diện theo uỷ quyền của chị Th trong việc giao, nộp tài liệu, chứng cứ và nhận các văn bản tố tụng: Bà Lê Thị D sinh năm 1960, địa chỉ: Thôn V, xã A, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

4. Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị H sinh năm 1957, địa chỉ: Xã T, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt.

- Bà Lê Thị D sinh năm 1960, địa chỉ: Thôn V, xã A, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Th, bị đơn anh Đ trình bày: Anh, chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã T, huyện

Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ vào ngày 18/01/2010. Chị Th, anh Đ xác định quá trình chung sống hai bên có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết và đã sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau, việc ai người đó làm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Th xin ly hôn, anh Đ đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị Th, anh Đ xác định có hai con là Trần Mạnh C sinh ngày 15/10/2010, Trần Mạnh D1 sinh ngày 05/6/2013, hiện tại do chị Th nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị Th, anh Đ thống nhất chị Th tiếp tục nuôi dưỡng các con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, nợ, công sức: Chị Th, anh Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ tài sản của ai, không cho ai vay tài sản không có công sức đóng góp cho gia đình hai bên. Khi ly hôn, chị Th, anh Đ không yêu cầu giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai bà H (mẹ anh Đ) xác định: Chị Th, anh Đ có phát sinh mâu thuẫn, đã được gia đình động viên nhưng không thành, đã sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau. Nay, chị Th xin ly hôn anh Đ, bà đề nghị Toà án hoà giải để hai bên đương sự về đoàn tụ; nếu chị Th ly hôn anh Đ việc nuôi dưỡng các cháu C, D1, bà đề nghị giải quyết theo pháp luật. Bà H xác định đối với các văn bản tố tụng của Tòa án đã giao, thông báo cho anh Đ.

Tại biên bản lấy lời khai bà D (mẹ chị Th) xác định: Tình trạng hôn nhân của hai bên đương sự đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, đề nghị Toà án giải quyết cho chị Th, anh Đ ly hôn; đề nghị giao cháu C, cháu D1 cho chị Th nuôi dưỡng. Bà D xác định đối với các văn bản tố tụng của Tòa án đã giao, thông báo cho chị Th.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 35, 38, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Xử, chị Th ly hôn anh Đ; giao các cháu D1, Cường cho chị Th nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con; chị Th phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, HĐXX, nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Th đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; anh Đ đã được Toà án triệu tập hợp lệ, hợp pháp nhiều lần nhưng vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vụ án vắng mặt người tham gia tố tụng.

[2] Về hôn nhân: Chị Th, anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã

Trung Giáp, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ vào ngày 18/01/2010, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, hai bên đương sự phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết và đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Theo chính quyền địa phương, người thân trong gia đình của đương sự, xác định: Mâu thuẫn giữa hai bên đương sự đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nhất trí ly hôn. Như vậy, từ những căn cứ như đã nêu ở trên có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa hai bên đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của các bên đương sự, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử chị Th ly hôn anh Đ.

[3]. Về con chung: Xác định chị Th, anh Đ có hai con là Trần Mạnh C sinh ngày 15/10/2010, Trần Mạnh D1 sinh ngày 05/6/2013, hiện tại do chị Th nuôi dưỡng. Khi ly hôn, các bên đương sự đều có quan điểm, giao cho chị Th nuôi dưỡng cả hai con. HĐXX các cháu C, Dũng đều trên 7 tuổi, từ trước đến nay sinh sống cùng với chị Th; học tập ổn định tại xã A và có nguyện vọng xin được ở với chị Th. Do vậy, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Th, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giao cháu D1, Cường cho chị Th nuôi dưỡng, chị Th tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản, nợ, công sức: Chị Th, anh Đ không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 147, 227, 228, 229, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Th ly hôn anh Trần Hồng Đ.

2. Về con chung: Giao con Trần Mạnh C sinh ngày 15/10/2010, Trần Mạnh D1 sinh ngày 05/6/2013 cho chị Phạm Thị Th tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ tháng 3/2023 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Th tự nguyện không yêu cầu anh Trần Hồng Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Th phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm,

được trừ vào số tiền 300.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000650 ngày 24/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã A, huyện Thanh Hà;
- UBND xã T, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự; bà Lê Thị D;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tuân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**